

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-21
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI được thành lập theo Quyết định số 1549/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Giao thông Vận tải, sau đó được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo Quyết định số 1780/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải, được chuyển về làm đơn vị thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc theo quyết định số 2400/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH số 2900910823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 28 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đào Mạnh Hà	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đức Bày	Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc	
Ông Lê Thanh Bình	Phó Giám đốc	miễn nhiệm từ ngày 01/11/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam - Chi nhánh miền Trung đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Bấy
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 02 năm 2023



Số: 16/BCTC.CNMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch và Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI được lập ngày 12 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

074-0
NHÂN
TY TNHH
TOÁN
ĐỊNH
VIỆT NAM
KIỂM TRƯ

T. NGHỆ

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Nexia STT - Chi nhánh An Phát, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến Kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo này tại ngày 14/02/2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Chi nhánh miền Trung



Nguyễn Thị Kim

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4535-2023-126-1

Nguyễn Thành Công

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5391-2021-126-1

Nghệ An, ngày 20 tháng 02 năm 2023



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		25.946.675.376	32.688.850.339
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.796.124.923	10.938.216.536
111	1. Tiền		6.796.124.923	10.938.216.536
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	15.000.000.000	19.063.231.081
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15.000.000.000	19.063.231.081
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.875.458.566	2.291.000.130
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.579.979.537	1.953.433.065
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	295.479.029	337.567.065
140	IV. Hàng tồn kho	7	211.757.080	114.050.187
141	1. Hàng tồn kho		211.757.080	114.050.187
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.063.334.807	282.352.405
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	320.071.870	282.352.405
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		743.262.937	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		19.805.214.093	17.712.286.799
220	II. Tài sản cố định		19.767.339.014	10.448.398.363
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	19.767.339.014	10.448.398.363
222	- Nguyên giá		34.322.452.371	22.973.991.347
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.555.113.357)	(12.525.592.984)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	-	5.614.904.501
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	5.614.904.501
260	VI. Tài sản dài hạn khác		37.875.079	1.648.983.935
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	37.875.079	1.648.983.935
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		45.751.889.469	50.401.137.138

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		19.516.875.707	24.166.123.376
310	I. Nợ ngắn hạn		19.516.875.707	24.166.123.376
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	203.643.900	314.775.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.903.601.126	1.458.473.351
314	3. Phải trả người lao động		8.197.797.612	10.730.069.395
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	13	7.020.806.561	7.601.271.341
322	5. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.191.026.508	4.061.534.289
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.235.013.762	26.235.013.762
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	26.235.013.762	26.235.013.762
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		26.235.013.762	26.235.013.762
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		45.751.889.469	50.401.137.138



[Handwritten signature]

Trần Thị Thoa
Người lập

[Handwritten signature]

Dương Thị Minh Thanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Bả
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 02 năm 2023


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	72.743.162.964	78.136.896.105
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		72.743.162.964	78.136.896.105
11	4. Giá vốn hàng bán	17	39.052.559.198	34.981.532.399
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.690.603.766	43.155.363.706
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	568.535.250	885.527.447
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	12.676.522.186	12.609.163.687
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.582.616.830	31.431.727.466
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.582.616.830	31.431.727.466
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	4.316.523.366	6.285.241.949
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>17.266.093.464</u>	<u>25.146.485.517</u>


Trần Thị Thoa
Người lập


Dương Thị Minh Thanh
Kế toán trưởng


Nguyễn Đức Bầy
Giám đốc



Nghệ An, ngày 12 tháng 02 năm 2023

2051074
CHI NHÁ
ÔNG TY T
ẾM TOÁN
ÂM ĐỊNH
VIỆT NAM
MIỄN TRỊ
Y - T. NG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		21.582.616.830	31.431.727.466
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.029.520.373	1.640.501.841
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(565.443.230)	(883.278.077)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		23.046.693.973	32.188.951.230
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.327.721.373)	2.926.887.131
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(97.706.893)	(86.402.182)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải)		(1.833.025.218)	(16.733.441)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.573.389.391	(1.651.489.749)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.596.920.188)	(4.986.014.384)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.539.479.130)	(7.982.156.853)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.225.230.562	20.393.041.752
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.733.556.523)	(6.853.573.592)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.039.048.132)	(9.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.102.279.213	3.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		565.443.230	804.934.722
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.104.882.212)	(12.048.638.870)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.262.439.963)	(21.948.432.220)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.262.439.963)	(21.948.432.220)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.142.091.613)	(13.604.029.338)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		10.938.216.536	24.542.245.874
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	6.796.124.923	10.938.216.536



(Signature)

Trần Thị Thoa
Người lập

Nghệ An, ngày 12 tháng 02 năm 2023

(Signature)

Dương Thị Minh Thanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Bảy
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI được thành lập theo Quyết định số 1549/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Giao thông Vận tải, sau đó được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo Quyết định số 1780/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải, được chuyển về làm đơn vị thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc theo quyết định số 2400/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH số 2900910823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 28 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Chủ sở hữu: Tổng công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải miền Bắc; Mã số doanh nghiệp 0200640769 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 03 tháng 8 năm 2010. Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 - lô 11A đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty: 26.235.013.762 đồng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: *Chi tiết: Đào tạo hoa tiêu hàng hải.*

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng đại diện Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI tại Thanh Hóa	Thôn Đông Yên, xã Hải Yên, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Giao dịch với khách hàng trong phạm vi hoạt động của công ty

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.



Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối giữa niên độ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-09	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05	năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.



2.12 . Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ và Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính.

2.13 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.15 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.



2.16 . Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được quy định tại Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam; Quyết định số 675/QĐ-CTHTHHKV VI ngày 28/12/2021 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI về việc ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được áp dụng từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022; Quyết định số 254/QĐ-CTHTHHKV VI ngày 30/6/2022 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI về việc ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được áp dụng từ ngày 01/7/2022 đến 31/12/2022.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Chủ sở hữu Công ty: Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc;
- Chủ tịch Công ty, các thành viên Ban Giám đốc.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	125.762.561	7.926.311
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.670.362.362	10.930.290.225
	6.796.124.923	10.938.216.536

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	15.000.000.000	-	19.063.231.081	-
	15.000.000.000	-	19.063.231.081	-

(*) Tại ngày 31/12/2022 tiền gửi có kỳ hạn từ 04 đến 06 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với lãi suất từ 3,4%/năm đến 3,7%/năm.

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Công ty TNHH Hoyer Transport Việt Nam tại Hà Tĩnh	1.285.956.710	-	441.941.261	-
Công ty TNHH Thanh Thành Đạt	85.530.716	-	379.522.982	-
Phải thu khách hàng khác	1.208.492.111	-	1.131.968.822	-
	2.579.979.537	-	1.953.433.065	-

6 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	234.465.000	-	271.208.000	-
Tạm ứng	7.835.715	-	7.048.896	-
Phải thu khác	53.178.314	-	59.310.169	-
	295.479.029	-	337.567.065	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	211.757.080	-	114.050.187	-
	211.757.080	-	114.050.187	-

8 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	5.614.904.501
- Dự án Đóng mới 01 tàu đưa đón hoa tiêu	-	5.614.904.501
	-	5.614.904.501



CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	6.463.353.389	169.800.000	16.340.837.958	22.973.991.347
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	11.348.461.024	11.348.461.024
Số dư cuối kỳ	6.463.353.389	169.800.000	27.689.298.982	34.322.452.371
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	3.531.607.443	5.660.000	8.988.325.541	12.525.592.984
- Khấu hao trong kỳ	302.201.364	33.960.000	1.693.359.009	2.029.520.373
Số dư cuối kỳ	3.833.808.807	39.620.000	10.681.684.550	14.555.113.357
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	2.931.745.946	164.140.000	7.352.512.417	10.448.398.363
Tại ngày cuối kỳ	2.629.544.582	130.180.000	17.007.614.432	19.767.339.014

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.408.472.728 đồng

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	71.201.591	130.344.543
Chi phí bảo hiểm	162.120.278	104.836.408
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	86.750.001	47.171.454
	320.071.870	282.352.405
b) Dài hạn		
Phần mềm kế toán	9.031.184	13.964.516
Chi phí sửa chữa	-	1.598.990.247
Chi phí trả trước dài hạn khác	28.843.895	36.029.172
	37.875.079	1.648.983.935

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xi măng Sông Lam	28.600.000	28.600.000	35.100.000	35.100.000
Công ty TNHH Long Phượng Phát	33.045.000	33.045.000	-	-
Nguyễn Văn Thắng	-	-	190.600.000	190.600.000
Nguyễn Thị Hương	83.346.900	83.346.900	66.950.000	66.950.000
Phải trả nhà cung cấp khác	58.652.000	58.652.000	22.125.000	22.125.000
	203.643.900	203.643.900	314.775.000	314.775.000

174-004
NHÁNH
TY TNHH
TOÁN VÀ
ĐINH GIÁ
NAM
N TRUNG
T. NGHỆ

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	55.975.403	253.967.730	309.943.133	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.402.497.948	4.316.523.366	4.596.920.188	-	1.122.101.126
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	3.860.954.834	3.079.454.834	-	781.500.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	55.610.035	55.610.035	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	1.458.473.351	8.490.055.965	8.044.928.190	-	1.903.601.126

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền dịch vụ hoa tiêu hàng hải quá cảnh của Lào	1.423.684.446	1.338.831.378
Phải trả Tổng công ty Bảo hiểm ATHH miền Bắc	5.597.122.115	6.262.439.963
	7.020.806.561	7.601.271.341
	5.597.122.115	6.262.439.963

b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 22)

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Báo cáo tài chính

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	17.738.062.627	7.398.550.555	-	25.136.613.182
Tăng vốn trong kỳ trước	8.496.951.135	(8.496.951.135)	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	25.146.485.517	25.146.485.517
Phân phối lợi nhuận	-	7.543.945.655	(14.316.219.354)	(6.772.273.699)
Chuyển về Tổng công ty Bảo đảm ATHH miền Bắc	-	(6.445.545.075)	(10.830.266.163)	(17.275.811.238)
Số dư cuối kỳ trước	26.235.013.762	-	-	26.235.013.762
Số dư đầu kỳ này	26.235.013.762	-	-	26.235.013.762
Lãi trong kỳ này	-	-	17.266.093.464	17.266.093.464
Phân phối lợi nhuận ⁽¹⁾	-	5.179.828.039	(9.848.799.388)	(4.668.971.349)
Chuyển về Tổng công ty Bảo đảm ATHH miền Bắc ⁽²⁾	-	(5.179.828.039)	(7.417.294.076)	(12.597.122.115)
Số dư cuối kỳ này	26.235.013.762	-	-	26.235.013.762

(1) Theo Quyết định số 673/QĐ-TCTĐĐATHHMB ngày 30/9/2019 của Tổng Công ty Bảo an toàn hàng hải miền Bắc về việc ban hành Quy chế tài chính của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 cụ thể như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	17.266.093.464
Trích Quỹ đầu tư phát triển	30,00%	5.179.828.039
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	1,37%	235.976.292
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25,67%	4.432.995.057
Chi trả lợi nhuận cho chủ sở hữu (Công ty mẹ)	42,96%	7.417.294.076

(2) Đối với toàn bộ giá trị trích quỹ đầu tư phát triển với giá trị 5.179.828.039 đồng đều được Công ty chuyển về Công ty mẹ là Tổng công ty Bảo đảm ATHH miền Bắc.

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2022	01/01/2022
Đồng đô la Mỹ (USD)	176,24	189,44

16 . TỔNG DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.743.162.964	78.136.896.105
	72.743.162.964	78.136.896.105

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	39.052.559.198	34.981.532.399
	39.052.559.198	34.981.532.399

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	565.443.230	883.278.077
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.092.020	2.249.370
	568.535.250	885.527.447

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lương, bảo hiểm, kinh phí công đoàn	7.614.294.258	8.679.718.055
Chi phí đồ dùng văn phòng	314.131.320	702.857.269
Chi phí khấu hao tài sản cố định	142.636.020	114.336.020
Thuế, phí, lệ phí	58.610.035	-
Chi phí vật liệu quản lý	70.293.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	776.252.193	998.680.295
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.700.305.360	2.113.572.048
	12.676.522.186	12.609.163.687



CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.582.616.830	31.431.727.466
Thu nhập chịu thuế TNDN	21.582.616.830	31.431.727.466
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	4.316.523.366	6.286.345.493
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	(1.103.544)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.402.497.948	103.270.383
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(4.596.920.188)	(4.986.014.384)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.122.101.126	1.402.497.948

21 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.884.722.260	5.927.814.799
Chi phí nhân công	27.832.380.527	29.960.564.037
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.029.520.373	1.640.501.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.775.244.682	7.428.160.850
Chi phí khác bằng tiền	4.207.213.542	2.633.654.559
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	51.729.081.384	47.590.696.086

22 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đảm bảo an toàn hàng hải miền Bắc	Công ty mẹ
Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc	Chủ tịch HĐQT, thành viên Ban Giám đốc

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Phân chia lợi nhuận trong năm			
Tổng Công ty Đảm bảo an toàn hàng hải miền Bắc	Công ty mẹ	13.262.439.963	21.948.432.220



CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Số dư tại ngày đầu kỳ và kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
Phải trả khác ngắn hạn		5.597.122.115	6.262.439.963
Tổng Công ty Đảm bảo an toàn hàng hải miền Bắc	Công ty mẹ	5.597.122.115	6.262.439.963

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc	1.887.810.336	2.678.356.800

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Nexia STT - Chi nhánh An Phát kiểm toán.



Trần Thị Thoa
Người lập





Dương Thị Minh Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Bấy
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 02 năm 2023